

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘI
(HARATOUR)

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

SỬA ĐỔI THÁNG 5 NĂM 2016)

HÀ NỘI
THÁNG 5 - 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘI



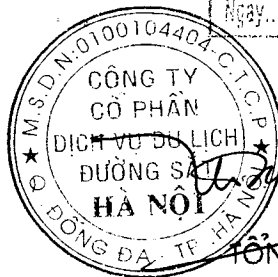
(HARATOUR)

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

SỬA ĐỔI THÁNG 5 NĂM 2016)

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày.....tháng.....năm 20.....



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Thị Thu Thủy

HÀ NỘI
THÁNG 5 - 2016

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

-----***-----

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘI

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ.

1.1 Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

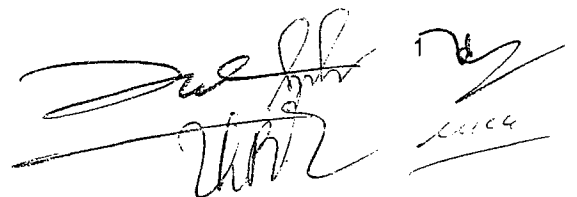
- a) Công ty là Công ty cổ phần Dịch vụ Du lịch Đường sắt Hà Nội;
- b) Hội đồng quản trị - viết tắt là HĐQT, có nghĩa là Hội đồng quản trị của Công ty;
- c) Ban kiểm soát - viết tắt là BKS, có nghĩa là Ban kiểm soát của Công ty;
- d) Cổ đông là được hiểu là cá nhân hoặc pháp nhân sở hữu ít nhất một Cổ phần đã phát hành của Công ty.
- e) Đại hội đồng cổ đông - viết tắt là ĐHĐCĐ, có nghĩa là toàn bộ các cổ đông có quyền biểu quyết của Công ty;
- f) Vốn điều lệ có nghĩa là là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp trong một thời hạn nhất định và quy định tại Điều 4 của Điều lệ này;
- g) Điều lệ hoặc Điều lệ Công ty là Điều lệ Công ty cổ phần Dịch vụ Du lịch Đường sắt Hà Nội;
- h) Luật Doanh nghiệp có nghĩa là Luật Doanh nghiệp hiện hành;
- i) Pháp luật là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan được ban hành, công bố và áp dụng đối với Công ty tại từng thời điểm (bao gồm cả văn bản pháp luật được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế chúng);
- j) Việt Nam có nghĩa là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- k) Người quản lý của Công ty là Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán Trưởng, Ban Kiểm soát và các chức danh khác của Công ty;
- l) Những người có liên quan là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;

1.2 Các tiêu đề được đưa vào chi để tiện theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa của Điều lệ này.

1.3 Trừ trường hợp điều khoản cụ thể của Điều lệ có quy định khác, các từ và thuật ngữ được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

Chương II

TÊN, ĐỊA CHỈ VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG



Điều 2: Hình thức và tên gọi Công ty.

2.1 Công ty Cổ phần dịch vụ Du lịch Đường sắt Hà Nội (“ Công ty”) là Công ty Cổ phần, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và các quy định hiện hành khác của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2.2 Tên công ty:

Tên công ty viết bằng tiếng Việt:

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ DU LỊCH ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

HANOI RAILWAY TOURIST SERVICE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: **HARATOUR**

Địa chỉ Trụ sở chính:

Số 142 Lê Duẩn, Phường Khâm Thiên, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội.

Điện thoại: 04.38510065/38510576

Fax: 04.35182933/35182095

Website: <http://www.haratour.com>

Email: hrtc.co@fpt.vn và dulichdshn@fpt.vn

2.3. Công ty có tư cách pháp nhân đầy đủ phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam, có con dấu và tài khoản mở tại Ngân hàng.

2.4 Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty

2.5 Công ty có thể thành lập Chi nhánh hoặc Văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu kinh doanh của Công ty trong phạm vi cho phép.

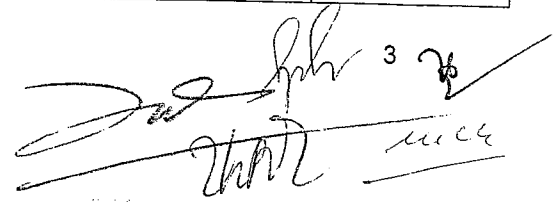
Điều 3: Ngành, nghề kinh doanh

Công ty kinh doanh những ngành nghề sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Thu nhật sản phẩm khác từ rừng không phải gỗ và lâm sản, chi tiết: Thu nhật cánh kiến, nhựa cây thường, nhựa cây thơm; Thu nhật hoa quả, rau hoang dại như tram, quả mọng, quả hạch, quả dầu, nấm rừng, rau rừng, quả rừng tự nhiên; Thu nhật các sản phẩm khác từ rừng như: nhật xác động vật;	0230
2	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ;	1610
3	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác, chi tiết: Sản xuất gỗ lạng, ván mỏng và các loại ván, tấm mỏng bằng gỗ tương tự; Sản xuất gỗ mảnh hoặc gỗ thớ; Sản xuất gỗ ván ghép và vật liệu dung để cách nhiệt bằng thủy tinh; Sản xuất gỗ dán mỏng, gỗ trang trí ván mỏng;	1621
4	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ, Chi tiết: khai thác củi, luồng, vầu, tre, nứa, cây đặc sản, song mây;	0222

Handwritten signature and initials

5	Sản xuất đồ gỗ xây dựng;	1622
6	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện;	1629
7	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế;	3100
8	Khai thác gỗ (trừ loại Nhà nước cấm);	0221
9	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: - Dịch vụ kho vận, bốc xếp hàng lý và hàng hóa đường sắt, đường bộ, đường thủy; đại lý bán vé tàu hỏa, vé máy bay, vé ô tô và vé tàu thủy; - Hoạt động hỗ trợ vận tải hàng hóa và vận chuyển hành khách;	5229
10	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô;	4932
11	Vận tải hành khách đường sắt Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ vận tải hành khách bằng tàu hỏa;	4911
12	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương Kinh doanh dịch vụ vận chuyển trên biển, thăm quan thắng cảnh, phục vụ ăn uống, lưu trú qua đêm trên tàu biển (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);	5011
13	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ vận tải hàng hóa bằng ô tô;	4933
14	Vận tải hàng hóa bằng đường sắt Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ vận tải hàng hóa bằng tàu hỏa;	4912
15	Giáo dục nghề nghiệp Chi tiết: Dạy nghề ngắn hạn, dài hạn; giáo dục đáp ứng nhu cầu người học (Chi hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);	8532
16	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ nhà khách, nhà nghỉ, khách sạn;	5510
17	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Kinh doanh Dịch vụ ăn uống nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);	5610
18	Hoạt động vui chơi giải trí. Chi tiết: Kinh doanh khu vui chơi giải trí, bãi biển, bãi tắm Dịch vụ vui chơi giải trí thể dục thể thao;	9329
19	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn Chi tiết: Sản xuất suất ăn công nghiệp;	1075
20	Sản đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: - Sản xuất đồ uống có ga và không ga; - Sản xuất đồ uống;	1104
21	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông. Chi tiết: Kinh doanh hàng điện, điện tử, điện lạnh, thiết bị tin học, viễn thông;	4652



 3

22	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;	6810
23	Bán buôn nguyên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: - Mua bán nhiên liệu-khác dùng trong động cơ. - Mua bán chất bôi trơn làm sạch động cơ;	4661
24	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn bao bì từ giấy và bìa. Chi tiết: Sản xuất giấy nhãn và bao bì;	1702
25	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Kinh doanh rượu bia, nước giải khát;	4633
26	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Kinh doanh thương mại, thuốc lá điếu;	4711
27	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Kinh doanh hàng công nghệ thực phẩm, công nghệ phẩm;	4632
28	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép Chi tiết: Kinh doanh may mặc;	4641
29	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Kinh doanh máy móc thiết bị;	4659
30	Đại lý du lịch Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế;	7911
31	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.	8299

3.2 Công ty được phép hoạt động trong khuôn khổ pháp luật và Điều lệ này nhằm đạt hiệu quả kinh tế tốt nhất cho các cổ đông.

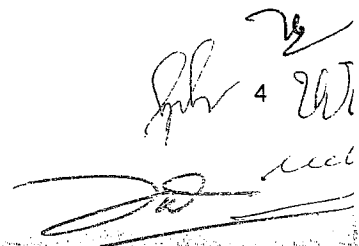
CHƯƠNG III. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU

Điều 4. Vốn điều lệ Công ty, cổ phần.

4.1 Tại ngày thông qua Điều lệ sửa đổi này, vốn điều lệ của Công ty là 16.000.000.000 đồng (Mười sáu tỷ đồng Việt Nam) và được chia thành 1.600.000 cổ phần với mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng Việt Nam.

4.2 Tất cả cổ phần Công ty phát hành đều là cổ phần phổ thông. Người sở hữu cổ phần phổ thông gọi là Cổ đông phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần được quy định tại Điều 11 và Điều 12 của Điều lệ này.

4.3 Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ và phù hợp với các quy định của pháp luật.



 4

Điều 5. Cổ phiếu.

5.1 Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có các nội dung theo quy định của Luật doanh nghiệp.

5.2 Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật Công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.

5.3 Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì Cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của Cổ đông đó. Trường hợp bị mất thì phải cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả Công ty để tiêu hủy. Cổ đông phải chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới và thanh toán mọi chi phí cho Công ty.

Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên mười triệu đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của Công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau 15 ngày kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị Công ty cấp cổ phiếu mới.

Điều 6. Chào bán cổ phần và bán cổ phần.

6.1 Chào bán cổ phần.

a) Chào bán cổ phần là việc Công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ. Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.

b) Chào bán cổ phần ra công chúng được thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán.

c) Chào bán cổ phần riêng lẻ:

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định chào bán cổ phần riêng lẻ, Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần riêng lẻ với Cơ quan đăng ký kinh doanh. Kèm theo thông báo chào bán cổ phần riêng lẻ phải có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về chào bán cổ phần riêng lẻ và Phương án chào bán cổ phần riêng lẻ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua (nếu có);

- Thông báo chào bán cổ phần riêng lẻ bao gồm các nội dung sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Tổng số cổ phần dự định chào bán; các loại cổ phần chào bán và số lượng cổ phần chào bán mỗi loại;
- Thời điểm, hình thức chào bán cổ phần;
- Họ tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty;

- Công ty có quyền bán cổ phần sau 05 ngày làm việc, kể từ ngày gửi thông báo mà không nhận được ý kiến phản đối của Cơ quan đăng ký kinh doanh;

d) Chào bán cổ phần cho Cổ đông hiện hữu:

 5

- Chào bán cổ phần cho Cổ đông hiện hữu là trường hợp Công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán toàn bộ số cổ phần đó cho tất cả Cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Công ty. HĐQT quyết định bán cổ phần cho Cổ đông hiện hữu theo phê duyệt của ĐHĐCĐ về số lượng từng loại cổ phần.

- Trường hợp số lượng cổ phần dự kiến chào bán không được Cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì Hội đồng quản trị có quyền bán số cổ phần được quyền chào bán còn lại đó cho Cổ đông của Công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các Cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán.

- Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua được ghi đầy đủ vào Sổ đăng ký Cổ đông. Kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành Cổ đông của Công ty.

- Sau khi cổ phần được thanh toán đầy đủ, Công ty phải phát hành và trao cổ phiếu cho người mua. Công ty có thể bán cổ phần mà không trao cổ phiếu. Trường hợp này, các thông tin về Cổ đông được ghi vào Sổ đăng ký Cổ đông để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của Cổ đông đó trong Công ty.

6.2 Bán cổ phần.

Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:

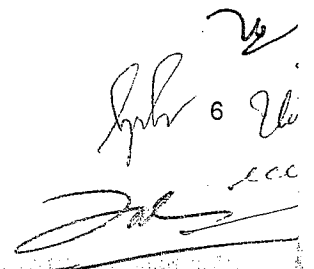
- a) Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là Cổ đông sáng lập;
- b) Cổ phần chào bán cho tất cả Cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty;
- c) Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 7. Chuyển nhượng cổ phần.

7.1 Cổ phần được tự do chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trường hợp Điều lệ Công ty có quy định hạn chế chuyển nhượng cổ phần thì các quy định này chỉ có hiệu lực khi được nêu rõ trong cổ phiếu của cổ phần tương ứng. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

7.2 Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

7.3 Trường hợp Cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của Cổ đông đó là Cổ đông của Công ty.

Handwritten signature and initials, possibly reading 'Linh O U' and 'LCC'.

7.4 Trường hợp cổ phần của Cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

7.5 Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là Cổ đông của Công ty.

7.6 Trường hợp Cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và Công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số Cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

7.7 Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành Cổ đông Công ty từ thời điểm các thông tin của họ được ghi đầy đủ vào Sổ đăng ký Cổ đông.

Điều 8: Phát hành trái phiếu

8.1 Công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

8.2 Công ty không thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành, không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ đến hạn trong 03 năm liên tiếp trước đó sẽ không được quyền phát hành trái phiếu, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

8.3 Hội đồng quản trị quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình nghị quyết của Hội đồng quản trị về phát hành trái phiếu.

Điều 9. Mua lại cổ phần.

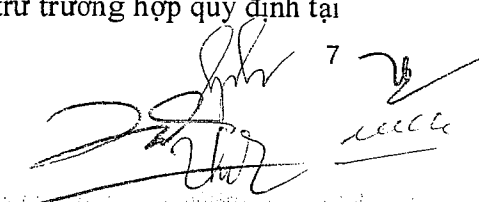
9.1 Mua lại Cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông.

- a) Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của Cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.
- b) Công ty phải mua lại Cổ phần theo yêu cầu của Cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để Cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

9.2 Mua lại Cổ phần theo quyết định của Công ty.

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

- a) Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- b) Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại



khoản điểm c khoản 9.2 Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;

- c) Công ty có thể mua lại cổ phần của từng Cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả Cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty.

Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được công ty trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của Cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của Cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

9.3 Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần mua lại.

- a) Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho Cổ đông theo quy định tại Khoản 9.1 và Khoản 9.2 Điều này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.
- b) Cổ phần được mua lại theo quy định tại Khoản 9.1 và Khoản 9.2 Điều này được coi là cổ phần chưa bán. Công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giám vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.
- c) Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi Cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với Công ty.
- d) Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

Chương IV

CỔ ĐÔNG, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG

Điều 10. Sổ đăng ký Cổ đông.

10.1 Công ty phải lập và lưu giữ Sổ đăng ký Cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Handwritten signature and date: 8/24

10.2. Sổ đăng ký Cổ đông được lập dưới dạng là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.

10.3 Sổ đăng ký Cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
- b) Tổng số Cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
- d) Họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức;
- a) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi Cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

10.4 Sổ đăng ký Cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung Sổ đăng ký Cổ đông trong giờ làm việc của Công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán.

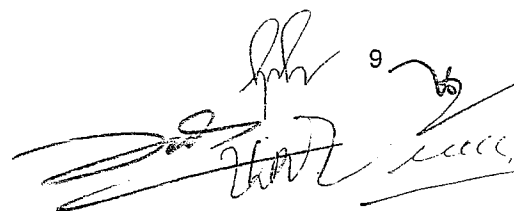
10.5 Trường hợp Cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào Sổ đăng ký Cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với Cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của Cổ đông.

Điều 11: Quyền của Cổ đông.

11.1 Cổ đông có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

11.2 Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

- b) Cổ đông sở hữu từ 0,3% tổng số cổ phần phổ thông trở lên được quyền đương nhiên trực tiếp tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền hoặc theo hình thức khác do pháp luật, Điều lệ Công ty quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- c) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng Cổ đông trong Công ty;
- e) Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty trừ trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật.
- f) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong danh sách Cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
- g) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- h) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;



Handwritten signature and date: 9/2000

11.3 Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% tổng số Cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ Công ty có các quyền sau đây:

- a) Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- b) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và báo cáo của Ban kiểm soát;
- c) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo các quy định tại Điều lệ này;
- d) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc Số đăng ký doanh nghiệp đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
- e) Các quyền khác do Công ty quy định phù hợp với quy định của pháp luật.

11.4 Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản 11.3 điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của Cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
- b) Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 06 tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;
- c) Trường hợp khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có đầy đủ các thông tin theo quy định của Luật doanh nghiệp. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

11.5 Các quyền khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

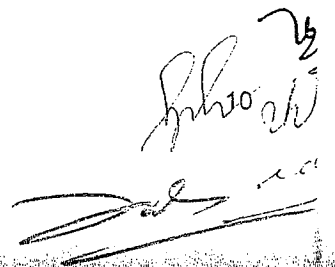
Điều 12. Nghĩa vụ của Cổ đông.

12.1 Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

12.2 Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

12.3 Tuân thủ Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

12.4 Chấp hành nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT Công ty.



12.5 Tham gia các cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền.

12.7 Cung cấp các địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

12.7 Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức khi thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a) Vi phạm pháp luật;
- b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

12.8. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG V

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT

Điều 13. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.

Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. ĐHĐCĐ;
2. HĐQT;
3. BKS;
4. Ban Tổng giám đốc.

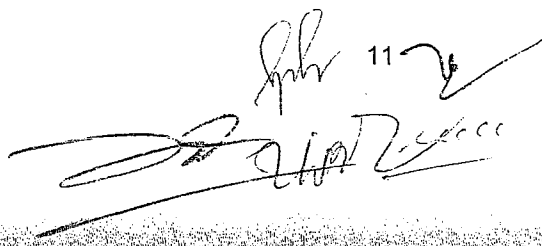
Cơ cấu tổ chức quản lý điều hành của Công ty có thể thay đổi để phù hợp với yêu cầu kinh doanh của Công ty trong quá trình hoạt động.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông.

14.1 Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Ngoài quyền hạn được quy định tại Khoản 14.1 dưới đây ĐHĐCĐ còn có thể giao/ủy quyền một số quyền của mình cho HĐQT tại từng thời điểm phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.

14.2 Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- d) Quyết định đầu tư, mua hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán của Công ty;
- a) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- f) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

11


- g) Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và Cổ đông Công ty;
- h) Tổ chức lại, giải thể Công ty;
- b) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty và quy định của Luật doanh nghiệp.

Điều 15. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

15.1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. ĐHĐCĐ phải họp thường niên trong thời hạn (04) tháng hoặc không quá (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

15.2 Hội đồng quản trị tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp trên lãnh thổ Việt Nam.

15.3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc ít hơn $\frac{1}{2}$ số thành viên quy định trong Điều lệ Công ty.
- c) Theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản 11.3 Điều lệ yêu cầu triệu tập ĐHĐCĐ bằng văn bản theo quy định tại Khoản 11.4 Điều lệ này. Yêu cầu triệu tập ĐHĐCĐ có đủ chữ ký của các Cổ động liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó có mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một Cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

15.4 Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại theo quy định tại điểm b khoản 15.3 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 15.3 Điều lệ này.

Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định này thì Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

15.5 Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 15.4 Điều lệ này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều lệ này.

15.6 Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 15.5 Điều lệ này thì Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông theo quy định tại Khoản 11.3 Điều lệ này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ này.

15.7 Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các khoản 15.4, 15.5 và 15.6 của Điều lệ này sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do Cổ đông chi tiêu khi tham dự ĐHĐCĐ bao gồm cả chi phí ăn ở và đi lại.

M.S.D.N.010
DI
NC
17
11

26
12/12/2012
[Handwritten signature]

Điều 16. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

16.1 Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên Sổ đăng ký Cổ đông của Công ty. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.

16.2 Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý Công ty phải cung cấp kịp thời thông tin Sổ đăng ký Cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của Cổ đông; đồng thời chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin Sổ đăng ký Cổ đông theo yêu cầu.

Điều 17. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông.

17.1 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp. ĐHCĐ thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
- d) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;
- e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- f) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

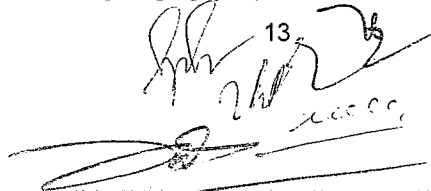
17.2 Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Khoản 11.3 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định thời hạn khác. Kiến nghị phải ghi rõ tên Cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của Cổ đông hoặc thông tin tương đương, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

17.3 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản

17.2 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Vào thời điểm đề xuất, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông không có đủ ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng theo quy định tại Khoản 11.3 Điều lệ này.
- d) Trường hợp khác theo quy định của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

17.4 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 32.2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định

13


tại khoản 17.3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

17.5 Chỉ có ĐHĐCĐ mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo họp.

Điều 18. Mời họp Đại hội đồng cổ đông.

18.1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các Cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính; số điện thoại của Công ty; tên, địa chỉ thường trú của Cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của Cổ đông và/hoặc đăng trên website của Công ty.

18.2. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp đối với các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết trong cuộc họp;
- b) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- c) Thông báo tiêu chuẩn ứng cử, đề cử thành viên HĐQT/BKS; Mẫu đơn ứng cử, đề cử; mẫu sơ yếu lý lịch (nếu ĐH bầu thành viên HĐQT/BKS).

Điều 19. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

19.1. Cổ đông có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 19.2 Điều này. Trường hợp Cổ đông là tổ chức chưa có người đại diện theo ủy quyền thì ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu do Công ty phát hành và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

- a) Trường hợp Cổ đông là cá nhân ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;
- b) Trường hợp Cổ đông là tổ chức thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

19.2 Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

Điều 20. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.

20.1 ĐHĐCĐ được tiến hành họp khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết.

Phụ 14 2h
cc

20.2 Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 20.1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.

20.3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 20.2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông dự họp.

Điều 21. Thể thức họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

21.1. Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký Cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông;

21.2. Việc bầu Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu được quy định như sau:

- a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
- b) Trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
- c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
- d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;

21.3 Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

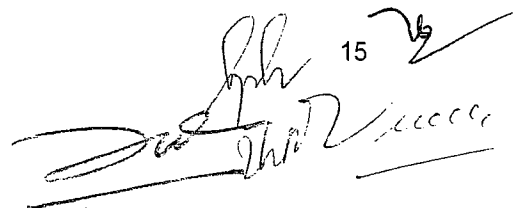
21.4 Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;

21.5 Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập họp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp, trừ trường hợp Điều lệ có quy định khác;

21.6 Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi;

21.7 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có các quyền sau đây:

15



- a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
- b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

21.8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

21.9 Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 21.8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

21.10 Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của ĐHĐCĐ.

Điều 22: Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

22.1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

22.2 Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;
- b) Định hướng phát triển Công ty;
- c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- a) Quyết định đầu tư, mua hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- f) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

22.3 Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành;:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

2
16 24
[Handwritten signature]

d) Dự án đầu tư, mua hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

a) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

e) Các vấn đề khác do Công ty quy định phù hợp với pháp luật hiện hành.

22.4 Các Nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 22.3 và khoản 22.5 Điều này.

22.5 Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

22.6 Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Nghị quyết được thông qua; trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi Nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

Điều 23. Phương thức bầu dồn phiếu.

23.1 Trước và trong cuộc họp ĐHCĐ, các Cổ đông có quyền cùng nhau lập nhóm đề cử vào dồn phiếu bầu cho người họ đề cử.

Số lượng ứng cử viên mà mỗi nhóm có quyền đề cử, phụ thuộc vào số lượng ứng cử viên do ĐHCĐ quyết định và tỷ lệ sở hữu cổ phần của mỗi nhóm.

Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ đủ 10% đến dưới 20% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 01 (một) ứng cử viên;

Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ đủ 20% đến dưới 30% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 02 (hai) ứng cử viên;

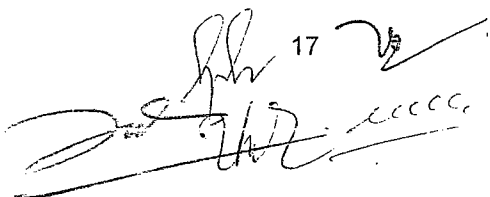
Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ đủ 30% đến dưới 40% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 03 (ba) ứng cử viên;

Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ đủ 40% đến dưới 50% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng cử viên;

Cổ đông, nhóm Cổ đông sở hữu từ đủ 50% tổng số Cổ phần có quyền biểu quyết trở lên được đề cử tối đa 05 (năm) ứng cử viên;

23.2 Trường hợp số lượng ứng cử viên được Cổ đông, nhóm Cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử, số ứng cử viên còn lại do HĐQT hoặc BKS hoặc các Cổ đông khác đề cử.

23.3 Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm

17


soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 24: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

24.1 Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản bất kỳ nội dung nào thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ bất kỳ lúc nào để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

24.2 Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết và gửi đến tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách Cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Điều lệ này.

24.3 Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung theo quy định tại Khoản 3 Điều 145 Luật doanh nghiệp 2014.

24.4 Cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:

a) Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

24.5 Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của Cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung theo quy định tại Khoản 5 Điều 145 Luật doanh nghiệp 2014 và phải được gửi đến các Cổ đông bằng đường bưu điện hoặc đăng tải lên website của Công ty trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

24.6 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;

24.7 Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản có giá trị như Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 25: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.

25.1 Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu theo quy định tại Khoản 1 Điều 146 Luật doanh nghiệp 2014.

18 2

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

25.2 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

25.3 Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực chính xác của nội dung biên bản.

25.4 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả các Cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách Cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 26: Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

26.1 Trình tự và thủ tục tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo qui định của Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp 2014.

26.2 Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 27. Hiệu lực của các nghị quyết.

27.1 Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

27.2 Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

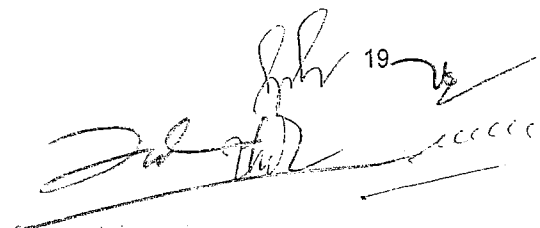
27.3 Trường hợp có Cổ đông, nhóm Cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài huỷ bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 26 của Điều lệ này, thì các Nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 28: Hội đồng quản trị.

28.1. Hội đồng quản trị có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

28.2. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

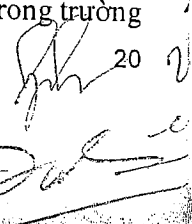
- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

 19

- e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định của Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật;
- f) Quyết định phương án đầu tư, dự án đầu tư, mua và bán tài sản có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản theo báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng và giao dịch ký với người có liên quan quy định tại khoản 42.1 Điều 42 Điều lệ này.
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với các chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty; quyết định, tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- j) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- m) Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
- n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Công ty;
- p) Quyết định kiểm toán và lựa chọn đơn vị kiểm toán;
- q) Quyết định việc thành lập, giải thể, thay đổi các Công ty con hoặc đơn vị thành viên, chi nhánh, văn phòng đại diện và các phòng/ban/đơn vị khác của Công ty;
- r) Quyết định tỷ lệ vốn góp do Công ty nắm giữ tại các Công ty con, đơn vị thành viên và các doanh nghiệp khác mà Công ty góp vốn, mua cổ phần;
- s) Quyết định các vấn đề khác phát sinh trong hoạt động kinh doanh, đầu tư của Công ty mà không thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ hoặc chưa phân cấp cho Chủ tịch hoặc Ban Tổng giám đốc;
- t) Công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật doanh nghiệp;
- u) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty phù hợp với pháp luật.

28.3 Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

28.4 Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường

20


hợp Nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua Nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về Nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua Nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục trong thời hạn ít nhất 01 năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện Nghị quyết nói trên.

Điều 29. Nhiệm kỳ, số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị.

29.1 Hội đồng quản trị có 05 thành viên. ĐHĐCĐ quyết định số lượng thành viên HĐQT tại từng thời điểm.

29.2 Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Số lượng, thời hạn cụ thể của nhiệm kỳ, số thành viên Hội đồng quản trị phải thường trú ở Việt Nam do Điều lệ Công ty quy định.

29.3 Trường hợp tất cả thành viên HĐQT cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

29.3 Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

- a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp 2014.
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là Cổ đông của Công ty.
- c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác.

Điều 30. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

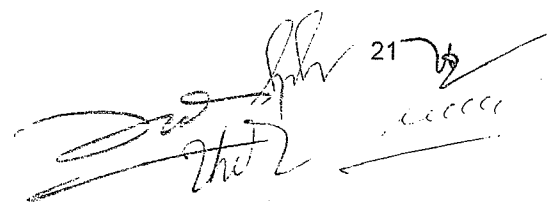
30.1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT theo quy định tại Điều 29 Điều lệ này.
- b) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục mà không có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Có đơn từ chức;
- d) Bị bãi nhiệm theo quyết định của ĐHĐCĐ.

30.2 Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

30.3 Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Khoản 29.1 Điều lệ này. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
- b) Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

 21/12/2014

Điều 31. Chủ tịch Hội đồng quản trị.

31.1 Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm triệu tập và làm chủ tọa ĐHĐCĐ và các cuộc họp của HĐQT.


31.2 Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- a) đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;
- e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký và chấm dứt hợp đồng, quyết định mức lương, thưởng, lợi ích khác đối với các chức danh: Ban Giám đốc, Kế toán trưởng Chi nhánh/Công ty con, Trưởng, phó các phòng, ban, đơn vị trực thuộc Công ty và người quản lý khác nếu thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty hoặc theo đề nghị của Tổng giám đốc.
- f) Thông qua các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và các hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong BCTC gần nhất đã được kiểm toán của Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch quy định tại Điều 42.2 Điều lệ này.
- g) Bất kỳ vấn đề nào khác mà Chủ tịch HĐQT thấy cần thiết phải quyết định vì lợi ích của Công ty trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật, ngoại trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này;
- h) Công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật doanh nghiệp;
- i) Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

31.3 Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

31.4 Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng thư ký Công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Thư ký công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;
- d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Cổ đông;
- a) Hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

 22



e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Công ty phù hợp với pháp luật hiện hành.

31.5 Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 32. Cuộc họp Hội đồng quản trị.

32.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

32.2 Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị họp tại trụ sở chính của Công ty hoặc ở nơi khác. Cuộc họp của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.

32.3 Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
- b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên điều hành của Hội đồng quản trị;

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

32.4 Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 32.3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

32.5 Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 01 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

32.6 Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

32.7 Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

 23

32.8 Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

32.9 Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 33: Biên bản họp Hội đồng quản trị.

33.1 Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu theo quy định của Luật doanh nghiệp 2014.

Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

32.2 Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

33.3 Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

Điều 34: Tổng Giám đốc.

34.1 Tổng giám đốc do HĐQT bổ nhiệm hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.

34.2 Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

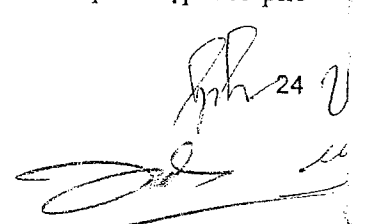
34.3 Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

34.4 Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc:

- a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định Khoản 2 Điều 18 Luật doanh nghiệp 2014;
- b) Có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty;
- c) Các điều kiện khác theo quy định của Công ty.

34.5. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo quy định của pháp luật, Điều lệ, quy định quy chế nội bộ của Công ty;
- b) Tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- a) đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, cách chức các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT/Chủ tịch HĐQT;
- e) Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong Công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc và phù hợp với phê duyệt của HĐQT/Chủ tịch HĐQT;



- f) Tuyển dụng lao động, khen thưởng, kỷ luật, chấm dứt Hợp đồng lao động, cho thôi việc đối với người lao động của Công ty theo sự phân cấp/ủy quyền của Chủ tịch HĐQT, bố trí sử dụng lao động theo yêu cầu sản xuất kinh doanh phù hợp với quy định của Bộ luật lao động;
- g) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- h) Công khai các lợi ích liên quan, giao dịch của Tổng Giám đốc theo quy định của pháp luật;
- f) Ký kết các HĐKT, giao dịch theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quy chế, quy định nội bộ của Công ty;
- a) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của HĐQT và Chủ tịch HĐQT.

34.6 Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

34.7 Bãi nhiệm TGD: HĐQT biểu quyết tán thành với số phiếu quá bán 2/3 số lượng thành viên HĐQT.

Điều 35: Ban kiểm soát.

35.1 Ban kiểm soát có từ 03 thành viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số.

35.2 Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam và có ít nhất 01 thành viên Ban kiểm soát là Kế toán viên hoặc Kiểm toán viên chuyên nghiệp.

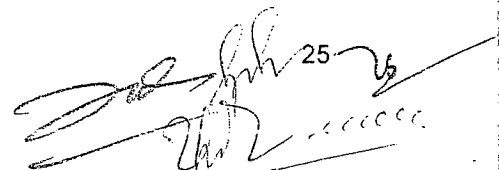
35.3 Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

35.4 Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;
- b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
- c) Không được giữ các chức vụ quản lý Công ty;
- d) Không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
- e) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 36: Quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

36.1 Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

 25

36.2 Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

36.3 Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.

36.4 Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

36.5 Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản 11.3 Điều lệ này;

36.6 Khi có yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản 11.3 Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

36.7 Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

36.8 Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

36.9 Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.


36.10 Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

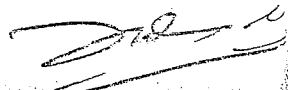
36.11 Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

36.12 Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 37: Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát.

37.1 Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

 26/11



37.2 Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị.

37.3 Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

37.4 Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

37.5 Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 38. Nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát.

38.1 Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

38.2 Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông của Công ty.

38.3 Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông Công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

38.4 Công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật doanh nghiệp;

38.5 Các nghĩa vụ khác theo quy định của luật doanh nghiệp 2014 và Điều lệ Công ty.

38.6 Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các khoản 38.1, 38.2, 38.3, 38.4 và 38.5 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 38.3 Điều này đều thuộc sở hữu của Công ty.

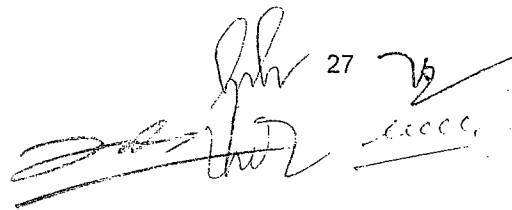
38.7 Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 39. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.

39.1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại 35.5 Điều lệ này;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- d) Các trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định phù hợp với pháp luật.

39.2 Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

 27

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- c) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG VI

THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG, THƯỞNG CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 40. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc.

40.1 Công ty có quyền trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; trả lương cho Tổng Giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

40.2 Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

40.3 Kiểm soát viên được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

40.4 Thành viên HĐQT/BKS có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của HĐQT đã được ĐHCĐ chấp thuận, trừ trường hợp ĐHCĐ quyết định khác.

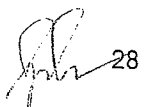
40.5 Tổng Giám đốc được trả lương và tiền thưởng. Tiền lương của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

40.6 Thù lao của thành viên HĐQT, BKS và tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

40.7 Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Điều 41. Trách nhiệm của người quản lý Công ty.

41.1 Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác có trách nhiệm sau đây:

 28

- a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty;
- b) Trung thành với lợi ích của Công ty và Cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty.

41.2 Khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác đến hạn phải trả thì thành viên HĐQT, BKS không được trả thù lao, Tổng giám đốc không được tăng lương.

41.3 Các nghĩa vụ khác theo quy định của Công ty phù hợp với pháp luật.

Điều 42. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận.

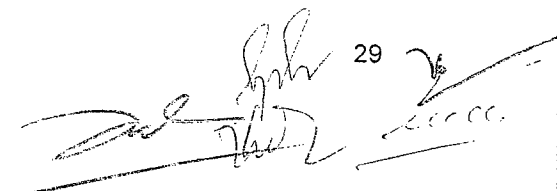
42.1 Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:

- a) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của Cổ đông sở hữu trên 10% tổng số Cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- b) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;
- c) Doanh nghiệp có lợi ích liên quan của thành viên HĐQT, BKS, Tổng giám đốc và người quản lý của Công ty bao gồm:
 - Doanh nghiệp mà họ sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần, và/hoặc
 - Doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

42.2 Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán của Công ty. Trong trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

42.3 Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các giao dịch quy định tại khoản 42.2 Điều này. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ

29



đồng có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết. Hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số Cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành.
42.4 Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 41.2 và khoản 41.3 Điều này, gây thiệt hại cho Công ty thì người ký kết hợp đồng, Cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

CHƯƠNG VII PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 43. Phân phối lợi nhuận - Trả cổ tức.

- 43.1 ĐHCĐ quyết định phân phối lợi nhuận và mức chi trả cổ tức, hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
- 43.2 Căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi được trả cổ tức cho Cổ đông khi Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ Công ty và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
- Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Công ty hoặc bằng tài sản khác quy định tại Điều lệ Công ty. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ thường trú của Cổ đông.
- Cổ tức có thể được thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi Công ty đã có đủ chi tiết về ngân hàng của Cổ đông để có thể chuyển trực tiếp được vào tài khoản ngân hàng của Cổ đông. Nếu Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng như thông báo của Cổ đông thì Công ty không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó.
- 43.3 Hội đồng quản trị phải lập danh sách Cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng Cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký tất cả Cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên Công ty; họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại của Cổ đông; mức cổ tức đối với từng Cổ phần và tổng số cổ tức mà Cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức; họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

30/11

43.4 Trường hợp Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách Cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người nhận chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

43.5 Các tranh chấp nội bộ giữa Công ty với Cổ đông của Công ty, giữa các Cổ đông Công ty với nhau liên quan đến thành lập, hoạt động giải thể Công ty trước hết phải được giải quyết thông qua thương lượng, hoà giải. Nếu không được sẽ đưa ra giải quyết tại Toà án có thẩm quyền.

Điều 44. Trích lập các quỹ.

Việc lập quỹ theo quy định của pháp luật do Đại hội đồng cổ đông Công ty quyết định. Hàng năm sau khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước, việc trích lập và sử dụng các quỹ khác từ lợi nhuận sau thuế sẽ tuân thủ theo Quy chế tài chính của Công ty.

Điều 45. Xử lý lỗ trong kinh doanh.

Trong trường hợp phát sinh lỗ trong kinh doanh, HĐQT hoặc Tổng giám đốc có trách nhiệm kiến nghị phương án xử lý lỗ trình ĐHCĐ thông qua để giải quyết các khoản lỗ trong năm tài chính theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương VIII. CON DẤU - TÀI CHÍNH

Điều 46. Con dấu.

46.1 Công ty chỉ có 01 con dấu. Con dấu của Công ty được sử dụng trong các trường hợp theo quy định của pháp luật về việc sử dụng dấu. Công ty chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác, hợp pháp, phù hợp thuần phong mỹ tục, văn hóa, khả năng gây nhầm lẫn của mẫu con dấu và tranh chấp phát sinh do việc quản lý và sử dụng con dấu.

46.2 Con dấu của Công ty do người đại diện theo pháp luật quản lý, sử dụng. Việc quản lý, sử dụng con dấu được thực hiện theo quy định của pháp luật và Quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Công ty ban hành.

Điều 47: Năm tài chính.

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Công ty phải gửi báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan thuế và cơ quan đăng ký kinh doanh. Tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm phải được thông báo đến tất cả Cổ đông.

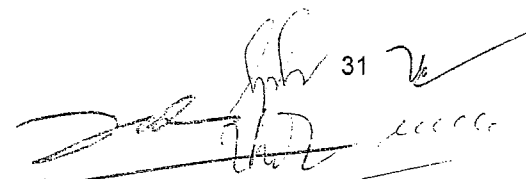
CHƯƠNG IX

GIẢI THỂ, PHÁ SẢN DOANH NGHIỆP

Điều 48. Giải thể Công ty

48.1 Công ty bị giải thể trong những trường hợp sau đây:

- a) Theo quyết định của ĐHCĐ;
- b) Công ty không còn đủ số lượng cổ đông tối thiểu theo quy định của Luật doanh nghiệp trong thời hạn 06 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;
- d) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

 31

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

48.2. Công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và Công ty không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài. Người quản lý có liên quan và doanh nghiệp quy định tại điểm d khoản 1 Điều này cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ của doanh nghiệp.

Điều 49. Phá sản Công ty

Việc phá sản Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản doanh nghiệp.

CHƯƠNG X

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 50. Giải quyết tranh chấp nội bộ.

50.1. Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới công việc của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ nào khác do Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty quy định, giữa:

a. Một Cổ đông hay các Cổ đông với Công ty;

b. Một Cổ đông hoặc các Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay cán bộ quản lý cao cấp của Công ty; hoặc

c. Các cán bộ quản lý, người lao động với nhau và (hoặc) với Công ty;

Các bên liên quan giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

50.2 Nếu không có quyết định hòa giải nào đạt được trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày bắt đầu quá trình hòa giải hoặc quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra cơ quan Trọng Tài hoặc Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo luật định và các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan.

CHƯƠNG XI

ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Điều 51. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ.

51.1 Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty phải được ĐHĐCĐ thông qua.

52.2 Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

32

51.3 Bất kỳ điều khoản nào của Điều lệ này không phù hợp với pháp luật hoặc bị tuyên bố/phán quyết vô hiệu hoặc không có khả năng thực thi bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì điều khoản đó sẽ vô hiệu và các điều khoản khác vẫn có hiệu lực thi hành.

Điều 52. Hiệu lực của Điều lệ.

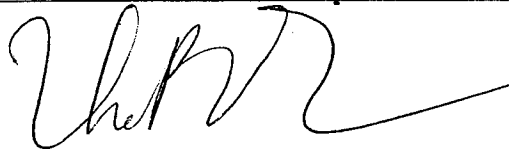
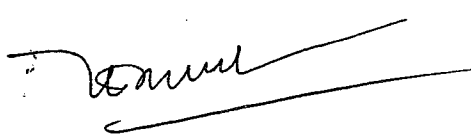

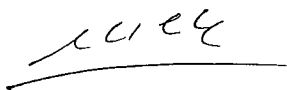
52.1 Điều lệ này gồm 52 điều, 11 chương được ĐHĐCĐ nhất trí thông qua ngày 22 tháng 4 năm 2010 và được sửa đổi lần thứ hai vào ngày 28 tháng 5 năm 2016.

52.2 Điều lệ Công ty có hiệu lực kể từ ngày được ĐHĐCĐ thông qua.

52.3 Điều lệ này là Điều lệ duy nhất và chính thức của Công ty. Các bản sao và trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc ít nhất $\frac{1}{2}$ tổng số thành viên HĐQT mới có giá trị.

52.4 Điều lệ Công ty được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau và được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty./.

Chữ ký của các thành viên HĐQT

LÊ THỊ THANH BÌNH	
TRẦN THỊ THU THỦY	
ĐẶNG VĂN TIẾN	
BÙI TRUNG KIÊN	
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	